

Bản án số: 66/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14-7-2021
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TRÀ MY, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Hồng Chi.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Nam và bà Đậu Thị Luyện.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Chiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Võ Thị Hoài My, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 04/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Trần Thị N, sinh năm 1982. (có mặt)

Địa chỉ: tổ Đ, thị trấn T, huyện B, Quảng Nam.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1970. (vắng mặt lần thứ hai)

Địa chỉ: thôn D, xã T, huyện B, Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2021, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: chị và anh Nguyễn Ngọc Th xây dựng gia đình vào năm 2004, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 05/01/2004. Việc hôn nhân của anh chị được tiến hành trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh Th thường xuyên uống rượu rồi về nhà tìm có hành hạ, đánh đập chị rất nhiều lần. Ban đầu vì thương con còn nhỏ dại nên chị cố gắng chịu đựng những trận đánh của chồng. Đến năm 2009 chị không thể chịu đựng thêm được nữa nên chị đã dẫn đứa con riêng của chị về nương tựa nhà ba mẹ ruột tại thị trấn T huyện B và để đứa con chung của hai vợ chồng cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng. Từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau nữa phần ai người đó sống. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Th để mỗi người có cuộc sống riêng tốt hơn.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 16/7/2004. Hiện

nay cháu T không còn đi học nữa, ở nhà phụ giúp gia đình và đang chuẩn bị đi nghĩa vụ quân sự nên không cần cha mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Ngọc Th đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Trần Thị N và anh Nguyễn Ngọc Th được ly hôn. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 16/7/2004. Hiện nay cháu T không còn đi học nữa, ở nhà phụ giúp gia đình và đang làm các thủ tục khám nghĩa vụ quân sự nên không cần cha mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc. Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: chị Trần Thị N và anh Nguyễn Ngọc Th tổ chức xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Trà Dương, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01 ngày 05/01/2004. Ngày 12/4/2021, nguyên đơn chị Trần Thị N nộp đơn khởi kiện về tranh chấp ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Th là phù hợp với quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28, Điều 186, Điều 188 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Th có nơi cư trú tại thôn D, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị N và anh Nguyễn Ngọc Th kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh Th thường xuyên uống rượu rồi về nhà tìm có hành hạ, đánh đập chị. Mặc dù được hai bên gia đình nhiều lần khuyên can nhưng anh Th vẫn không thay đổi. Vì vậy, đến năm 2009 chị N không thể chịu đựng thêm được nữa nên chị đã dẫn đưa con riêng của chị về nương tựa nhà ba mẹ ruột tại thị trấn Trà My, huyện Bắc Trà My và để đưa con chung của hai vợ chồng cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng. Từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau nữa, phần ai người đó sống.

Trong quá trình làm việc, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tiến hành hòa giải nhưng anh Th vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 03 tháng 6 năm 2021 xác định vợ chồng chị Trần Thị N và anh Nguyễn Ngọc Th trong quá trình chung sống thường xuyên cãi vã, anh Th còn uống rượu về đánh đập chị N. Đến năm 2009 thì vợ chồng không chung sống với nhau nữa mà phần ai nấy sống. Điều này phù hợp với lời khai của chị Trần Thị N nên chứng tỏ mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Th là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N đối với anh Nguyễn Ngọc Th là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: chị N và anh Th có 01 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 16/7/2004. Theo lời khai của nguyên đơn chị Trần Thị N, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản xác minh ngày 03 tháng 6 năm 2021 xác định, hiện nay cháu T không còn đi học, ở nhà đi làm phụ giúp gia đình và đang làm các thủ tục khám nghĩa vụ quân sự nên không cần cha mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: chị Trần Thị N phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 186, Điều 188 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị N, sinh năm 1982 được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1970. (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01 ngày 05/01/2004 của UBND xã Trà Dương, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam chấm dứt giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật).

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 16/7/2004. Hiện nay cháu T không còn đi học nữa, ở nhà đi làm phụ giúp gia đình và đang chuẩn bị đi nghĩa vụ quân sự nên không cần cha mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: đương sự khai không có.

Về án phí: chị Trần Thị N phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011560 ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/7/2021). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm

yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Chi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA

Nguyễn Văn Nam Đậu Thị Luyện

Phạm Thị Hồng Chi

